

Bản án số: 123/2022/HSST
Ngày: 10/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Bà Bế Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Vi Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung và ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Sần Văn P; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam; S ngày: 17/7/1995; Nơi S: huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12 phổ thông; Con ông: Sần Sành C (đã chết); Con bà: Hoàng Thị N - S năm 1967 (Trú tại: xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện B, tỉnh Cao Bằng); Anh, chị, em ruột: gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Lục Thị T - S năm 1998 (Trú tại: xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện B, tỉnh Cao Bằng); Con: có 01 con, S năm 2017; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 05/11/2020 bị Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng kể từ ngày 13/7/2022 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Sào Văn S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; S ngày 10 tháng 01 năm 1996 tại: huyện B, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: Bản Chang 1, xã Y, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Dao; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Sào Văn K - S năm 1972; Con mẹ: Hoàng Thị C - S năm 1976 (Cùng trú tại: Bản Chang 1, xã Y, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng); Vợ, con: chưa có; Anh, chị, em ruột: gia đình có 04 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng kể từ ngày 13/7/2022 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Phạm Văn T - S năm 1981;

Trú tại: xóm Lũng Cát, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sào Văn P:* Ông Nông Văn Dư - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sào Văn S:* Bà Linh Thị An - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bàn Tồn S - S năm 1991;

Địa chỉ: xóm Phiêng Vàng, xã H, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Lý Thị N - S năm 1985;

Địa chỉ: xóm Lũng Cát, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Người làm chứng:*

1. Vi Văn B - S năm 1992

Địa chỉ: xóm Lũng Pút, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2. Hoàng Hiến D - S năm 1979

Địa chỉ: xóm Lam Sơn Hạ, xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

(Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 07/7/2022, Sào Văn P và Sào Văn S đi bộ từ Bến xe khách liên tỉnh Cao Bằng đến khu vực chợ tạm thuộc tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng tìm mua ma túy cùng nhau sử dụng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P bảo không có xe về nhà nên rủ S trộm cắp một chiếc xe mô tô ở trong chợ để làm phương tiện đi lại thì S đồng ý. Cả hai đi vào trong chợ thì thấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 11H1 - 070.60 của Phạm Văn T (*Sinh ngày 13/11/1981; Trú tại: xóm Lũng Cát, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng*) đang để ở gần cuối chợ, cách cổng chợ khoảng 30m, xe vẫn đang cầm chìa khóa và không có người trông coi. P bảo lấy trộm chiếc xe trên thì S đồng ý. Sau đó, P tiến lại gần chiếc xe mô tô rồi nổ máy, điều khiển xe đi ra phía cổng chợ đón S rồi đi về hướng huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Khi đi đến khu vực thị trấn T, huyện Nguyên Bình thì cả hai dừng xe để tháo giá chở

hàng bằng sắt (khối lượng 05 kg) ở phía sau xe rồi tiếp tục điều khiển xe đi về hướng huyện B, tỉnh Cao Bằng. Khi đi đến khu vực xã H, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng thì cả hai dừng xe ở hiệu sửa xe của Bàn Tồn S (*Sinh ngày 03/12/1991; Trú tại: xóm Phiêng Vàng, xã H, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng*) rồi bán chiếc xe trên cho S với giá 2.050.000đ (*hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền có được từ việc bán chiếc xe mô tô, P và S đã mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 14/7/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 175 đối với vật chứng vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số 42 ngày 18/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đen bạc, biển kiểm soát 11H1 - 070.60 có giá trị tài sản là: 3.793.200đ (*ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng*); 05 (năm) kg sắt có giá trị tài sản là: 44.000đ (*bốn mươi bốn nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản là: 3.837.200đ (*ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đen bạc, biển kiểm soát 11H1 - 070.60, ngày 10/8/2022 cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Phùng Văn T. Đối với giá chờ hàng bằng sắt không thu hồi lại được.

Hành vi của Sân Văn P và Sào Văn S đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố. Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKSTP ngày 07/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Sân Văn P và Sào Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến khiếu nại về các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án. Các bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S, cụ thể bị cáo P bồi thường số tiền 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo S bồi thường số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Đồng thời, các bị cáo có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, bị hại Phùng Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, xác nhận đã nhận lại chiếc xe mô tô, ngoài ra không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S có mặt tại phiên tòa và yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền là 2.050.000đ (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) mà ông S đã bỏ ra mua chiếc mô tô nhưng không biết do phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật

Hình sự 2015. Tuyên bố các bị cáo Sần Văn P và Sào Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Sần Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù, bị cáo Sào Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S số tiền 2.050.000đ (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: không có.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Người bào chữa cho bị cáo Sần Văn P trình bày: Nhất trí với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức đề nghị hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo P. Tuy nhiên, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu xa, có điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị cho bị cáo hưởng mức án mức khởi điểm là 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S. Về án phí: đề nghị miễn án phí cho bị cáo do bị cáo có đơn xin miễn án phí và thuộc đối tượng quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn).

Người bào chữa cho bị cáo Sào Văn S trình bày: Nhất trí với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức đề nghị hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo S. Xét thấy, bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ý kiến tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo. Về án phí: đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo P có ý kiến: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo S không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều khoản xét xử: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/7/2022 tại khu vực chợ tạm thuộc tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, Sần Văn P và Sào Văn S có hành vi trộm cắp của Phùng Văn T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đen bạc, biển kiểm soát 11H1 - 070.60 có giá trị tài sản là: 3.793.200đ (*ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng*) và 05 (năm) kg sắt có giá trị tài sản là: 44.000đ (*bốn mươi bốn nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản Sần Văn P và Sào Văn S đã trộm cắp là: 3.837.200đ (*ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu cá nhân và sử dụng ma túy. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.837.200đ (*ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng*) nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm:

Trong vụ án này, các bị cáo công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác ở nơi tập trung đông dân cư. Hành vi phạm tội thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi này không những làm ảnh hưởng tới

tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Cao Bằng mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của người dân. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo P là người nảy S ý định thực hiện hành vi trộm cắp và được bị cáo S đồng ý, P trực tiếp lấy xe mô tô rồi cả hai cùng mang đi tiêu thụ. Số tiền bán xe mô tô có được các bị cáo chia nhau để sử dụng ma túy và tiêu sài cá nhân, bị cáo P lấy số tiền 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo S lấy số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tự phát, không có sự chuẩn bị bàn bạc phân công vai trò từ trước. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đồng phạm giản đơn, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo P là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân để trở thành công dân tốt nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo S không có tiền án, tiền sự nhưng là người có sử dụng ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

Hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là đối tượng có sử dụng ma túy, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn liều lĩnh, công khai thực hiện hành vi phạm tội ở nơi tập trung đông dân cư. Điều này cho thấy các bị cáo là coi thường pháp luật, không có ý thức tự cải tạo bản thân nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo P có 01 tiền sự và là người nảy S ý định phạm tội trước, trực tiếp lấy xe máy và được hưởng khoản lợi bất chính nhiều hơn bị cáo S, nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo S.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, có thu

nhập nhưng không ổn định, số tiền hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội không lớn. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phạm Văn Tvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị N xác nhận đã nhận lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 11H1 - 070.60 và không có yêu cầu gì thêm nên cần ghi nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại số tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe máy do không biết tài sản do phạm tội mà có với số tiền 2.050.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo P có ý kiến tự nguyện bồi thường cho ông S số tiền 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo S tự nguyện bồi thường cho ông S số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Xét thấy ý kiến của các bên là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[7] Về việc xử lý vật chứng: không có.

[8] Các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa về tội danh, điều luật, đề nghị hình phạt, trách nhiệm dân sự là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Sần Văn P và Sào Văn S đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì các bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận vì các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trước thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có một thời gian rời khỏi địa phương đi làm công nhân tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội phát triển và có điều kiện tiếp cận thông tin văn hóa xã hội nên nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với Bàn Tồn S, quá trình điều tra xác định S không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 11H1 - 070.60 khi mua với Sần Văn P và Sào Văn S là do trộm cắp mà có. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với S.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước. Tổng số tiền án phí mỗi bị cáo phải chịu là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo có đơn xin miễn án phí do thuộc đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo

là lao động tự do, có thu nhập, khoản tiền án phí là không lớn. Ngoài ra, các bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc gia đình các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc thuộc trường hợp gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có tài sản để nộp án phí. Do đó các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Sần Văn P và Sào Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Sần Văn P 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 13/7/2022.

Xử phạt: bị cáo Sào Văn S 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 13/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Bị hại Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị N xác nhận đã nhận lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 11H1 - 070.60 và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về bồi thường thiệt hại như sau:

Bị cáo Sần Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S số tiền 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị cáo Sào Văn S có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Tồn S số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng chẵn*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Sào Văn S và Sần Văn P mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Xử buộc các bị cáo Sào Văn S và Sần Văn P mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền án phí mỗi bị cáo phải chịu là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, Người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh